TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **118**/2019/QĐST-HNGĐ	*Ba Đình, ngày 25 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 212; Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 59 và Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 66/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2019 về "tranh chấp ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau:

1. Nguyên đơn: Anh **Lương Đức H**, sinh năm 1981; Đăng ký hộ khẩu và cư trú: Số 4, phố A, phường P, quận B, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Chị **Thân Thị N**, sinh năm 1986; Đăng ký hộ khẩu: Số 4, phố A, phường P, quận B, thành phố Hà Nội; nơi tạm trú: Số 507 CT16 khu đô thị H, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 15 tháng 3 năm 2019.

[2] Anh Lương Đức H và Chị Thân Thị N có Giấy chứng nhận kết hôn số: 178, Quyển sổ: 2006/PX ngày 29 tháng 12 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân phường P, quận B, thành phố Hà Nội.

[3] Việc thuận tình ly hôn và các thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

Anh Lương Đức H và chị Thân Thị N thuận tình ly hôn.

- Về con chung:

Vợ chồng có hai con chung là cháu **Lương Hà V**, sinh ngày 21 tháng 4 năm 2008 và cháu **Lương Đức P**, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2013. Giao anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu P và giao chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu V. Hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau kể từ tháng 4 năm 2019 đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật.

Anh Lương Đức H và chị Thân Thị N có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nhà ở: Hai bên xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn hai bên tự lo về nhà ở.

Về khoản nợ: Hai bên xác nhận không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Anh Lương Đức H tự nguyện chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí sơ thẩm được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp. Anh Hưng được hoàn trả lại 150.000 đồng theo biên lai thu số 5257 ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;*
- *Viện kiểm sát nhân dân quận B;*
- *Chi cục THA dân sự quận B;*
- *UBND phường P, quận B;*
- *Lưu hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình.*

THẨM PHÁN
(Đã ký)
Nguyễn Ngọc Long